TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HC-PT
Ngày: 20/01/2021
V/v: Khiếu kiện quyết định cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp và bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 322/2020/TLPT-HC ngày 05 tháng 6 năm 2020 về "Khiếu kiện Quyết định cưỡng chế hành chính trong giải phóng mặt bằng" do có kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 286/2021/QĐPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Chí P - sinh năm 1960 và bà Đinh Thị Chân P1 - sinh năm 1960, đều có mặt.

Địa chỉ: số 15, ngách 438/4 phố T, phường N, quận Đ, thành phố H1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đỗ Ngọc Q - Văn phòng Luật sư L, Đoàn luật sư thành phố H1, có mặt.

Địa chỉ: Số 102 phố T1, phường L, quận Đ, thành phố H1.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch UBND huyện L1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D – Phó Chủ tịch UBND huyện L1, tỉnh H, vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn L1, huyện L1, tỉnh H.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty cổ phần đầu tư X;

Địa chỉ: tầng 18 tòa nhà V, số 09 đường Đ1, quận Đ, thành phố H1.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T2 - Phó phòng dự án, có mặt tại phiên tòa.

2. Ủy ban nhân dân huyện T3, thành phố H1, vắng mặt

3. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H;

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Đức T4, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 17/10/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành Quyết định số 2062/QĐ - UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã T5 - huyện L1. Ngày 05/12/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H ra Quyết định số 2480/QĐ - UBND về việc thu hồi đất và giao đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí.

Ngày 24/11/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 ban hành Quyết định số 1055/QĐ - UBND về thực hiện kiểm kê bắt buộc về đất và tài sản gắn liền trên đất bị thu hồi để giải phóng mặt bằng đối với các hộ chưa tự giác kê khai, kiểm kê tại xóm T6 và xóm N1, xã T5, huyện L1. Ngày 14/12/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 ra Quyết định số 1123/QĐ - UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc xã T5 để giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X. Ngày 26/12/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành Quyết định số 3475/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng khu biệt thự, nhà vườn, thể thao và giải trí xã T5.

Sau khi có Quyết định số 1123/QĐ - UBND ngày 14/2/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 và Quyết định số 3475/QĐ - UBND ngày 26/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H, Ủy ban nhân dân huyện L1 đã hỗ trợ bồi thường, tái định cư cho các hộ dân tại xã T5 và thực hiện giải phóng mặt bằng, tháo dỡ công trình, chặt cây cối, thu hoạch hoa màu để bàn giao đất

cho dự án.

Trong quá trình thực hiện các bước về việc thu hồi đất, gia đình ông bà Phưởng và bà P1 không hợp tác. Ngày 19/4/2007, Ủy ban nhân dân xã T5 ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với hộ ông Nguyễn Chí P. Ngày 25/5/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 ban hành Quyết định 432/QĐ - UBND thực hiện cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Nguyễn Chí P là chủ sử dụng 14.633m^2 đất tại xóm T6, xã T5.

Không đồng ý với Quyết định 432/QĐ - UBND ông P và bà P1 đã có các đơn khiếu nại gửi Thanh tra tỉnh H: khiếu nại Quyết định số 432/QĐ - UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 và hành vi cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện L1, yêu cầu được bồi thường thiệt hại.

Ngày 05/6/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 ra Quyết định số 705/QĐ - UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà P1 và ông P, với nội dung: không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông bà.

Ngày 22/7/2008, ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L1.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự trình bày quan điểm như sau:

***** Người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 về việc cưỡng chế giải phóng mặt bằng 10 thửa đất của hộ ông P và bà P1 tại xóm T6, xã T5 là trái pháp luật. Bởi lẽ trong Quyết định số 2480/QĐ - UBND ngày 05/12/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc thu hồi đất và giao đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí thì không có nội dung thu hồi đất của xóm T6. 10 thửa đất trong Quyết định cưỡng chế số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch UBND huyện L1 không trùng với số thửa trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà. Cụ thể gia đình ông bà có các thửa 32; 92; 127; 119 tờ bản đồ 24Đ; và thửa số 3, 4, 11, 12, 14 tờ bản đồ K5 nhưng quyết định cưỡng chế lại ghi cưỡng chế các thửa đất số 80, 81, 82, 83, 84, 86, 87a, 49, 50, 51 tờ bản đồ 24Đ, các thửa đất này không đúng với thực tế các thửa đất do ông bà đang sử dụng.

Trước khi thực hiện biện pháp cưỡng chế gia đình ông P bà P1 không

nhận được quyết định thu hồi đất, không nhận được quyết định cưỡng chế, UBND huyện L1 cũng không thực hiện các bước: Không kê khai kiểm đếm và xác định nguồn gốc đất, không lập thẩm định và xét duyệt phương án bồi thường, không công khai phương án bồi thường, không thực hiện chi trả tiền bồi thường theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 đề nghị Tòa án: hủy Quyết định cưỡng chế số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch UBND huyện L1, yêu cầu UBND huyện L1 bồi thường tổng thiệt hại tài sản trên đất cho gia đình là 2.803.830.000đồng và buộc UBND huyện L1 phải trả lại cho ông bà toàn bộ diện tích đất đã bị thu hồi.

***** *Đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Quá trình thực hiện việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc xã T5 để giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X ngày 24/11/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 ban hành Quyết định số 1055/QĐ - UBND về thực hiện kiểm kê bắt buộc về đất và tài sản gắn liền trên đất bị thu hồi để giải phóng mặt bằng đối với các hộ chưa tự giác kê khai, kiểm kê tại xóm T6 và xóm Nhờn - xã T5 - huyện L1. Ngày 26/12/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành Quyết định số 3475/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng khu biệt thự, nhà vườn, thể thao và giải trí xã T5.

Ủy ban nhân dân xã T5 đã thông báo và lập biên bản niêm yết Quyết định 1123/QĐ - UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Sau khi có quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Ủy ban nhân dân huyện L1 cùng Hội đồng bồi thường - hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí xã T5 đã thông báo nhiều lần về việc trả tiền bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho các hộ được bồi thường đến nhận và thực hiện giải phóng để bàn giao đất cho dự án.

Quá trình thực hiện các bước về việc thu hồi đất, gia đình ông Nguyễn Chí P đã không hợp tác, không tự nguyện giao đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên ngày 19/04/2007, Ủy ban nhân dân xã T5 đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với ông Nguyễn Chí P về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 25/5/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 ban hành Quyết định số 452/QĐ - UBND thành lập đoàn công tác thực hiện Quyết định cưỡng chế hành chính đối với các hộ cố tình không thực hiện việc bàn giao đất đã bị thu hồi cho Dự án xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí

tại xã T5 và ban hành quyết định số 432/QĐ - UBND thực hiện biện pháp cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Nguyễn Chí P.

Quyết định số 432/QĐ - UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 đã cưỡng chế đúng theo quy định và đúng đối tượng. Trước khi ra quyết định cưỡng chế, Ủy ban nhân dân huyện L1 đã ban hành đầy đủ các văn bản và thực hiện đúng quy trình.

Các thửa đất số 32, 119, do khi mua bán các bên đã không thực hiện đúng thủ tục nên đã bị nhầm lẫn. Toàn bộ địa giới hành chính xã T5 đã thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện T3 - thành phố H1. Việc giải quyết các vấn đề liên quan tới những thửa đất này hiện không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện L1.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện L1 không nhất trí với toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

***** Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn X xác định thực hiện việc xây dựng dự án khu biệt thự, nhà vườn và thể thao giải trí theo đúng quy định và ranh giới được nhà nước giao. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 02/2017/HC-ST ngày 6/3/2017 Tòa án nhân dân huyện L1 đã tuyên xử: Bác toàn bộ các yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 08/3/2017 ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 có đơn kháng cáo. Tại bản án số 01/2017/HC-PT ngày 5/7/2017 Tòa án nhân dân tỉnh H đã xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì lý do trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện T3, Hà Nội tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Sau khi thụ lý lại hồ sơ vụ án ngày 16/6/2018 ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 1123/QĐ- UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch UBND huyện L1.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 4 điều 32; điều 116; điểm b khoản 2 điều 193; điều 194 Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng khoản 3 điều 39, 40, điều 44 luật đất đai năm 2003. Điều 47, 48 Nghị định 197/2004 NĐ-CP ngày 03/12/2004, Điều 36, điều 172 Nghị định 181/2004/NĐCP ngày 29/10/2004; Nghị định 182/2004/NĐCP ngày 29/10/2004 Nghị định 37/2005/NĐCP ngày 18/3/2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1. Hủy Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 về thực hiện biện pháp cưỡng chế giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 của Chủ tịch UBND huyện L1, tỉnh H.

Ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 được quyền khởi kiện yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do Quyết định cưỡng chế giải phóng mặt bằng của Chủ tịch UBND huyện L1 gây ra.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2019 người khởi kiện là ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét: Tòa án nhân dân tỉnh H đã tuyên hủy Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch UBND huyện L1, tỉnh H về cưỡng chế giải phóng mặt bằng nhưng lại tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 2.803.830.000đồng do quyết định này gây ra là không đúng. Ngày 16/6/2018, ông bà có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch UBND huyện L1 nhưng không được Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng… Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông bà.

Ngày 20/12/2019 đại diện Công ty cổ phần đầu tư X, ngày 27/12/2019 người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện L1 có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh H chưa xem xét hết các tình tiết khách quan của vụ án: Chưa đi thẩm định tại chỗ khu đất cưỡng chế, hiện trạng toàn bộ khu đất đã được Công ty cổ phần X thực hiện xong dự án. Tòa án nhân dân tỉnh H tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P bà P1 là chấp nhận phần nào? Hủy Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch UBND huyện L1 là hủy phần nào? Bản án chưa rõ ràng nên chưa thể thi hành án được. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đinh Quang Hóa và UBND xã T5 vào vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu người tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét toàn bộ vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H có quyết

định kháng nghị đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà P1, ông P và Công ty cổ phần đầu tư X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác và cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến thể hiện: Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch UBND huyện L1 được ban hành căn cứ vào Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính Phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế là sai trong áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; 10 thửa đất thu hồi trong Quyết định 432/QĐ-UBND không trùng với các thửa đất của hộ bà P1 và ông P; thủ tục cưỡng chế giải phóng mặt bằng không đúng quy định của pháp luật về việc vận động người bị thu hồi đất tự giác thực hiện quyết định thu hồi đất, không giải quyết đơn khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại tố cáo; Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của UBND huyện L1 ban hành trái pháp luật, thu hồi đất của gia đình ông P nằm ngoài phạm vi dự án được Chủ tịch UBND tỉnh H phê duyệt. Tòa án tỉnh H hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất nhưng không xem xét giải quyết phần yêu cầu bồi thường thiệt hại là chưa bảo đảm quyền lợi của đương sự; chưa xem xét yêu cầu khởi kiện Quyết định thu hồi đất số 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 với lý do là hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ; xác định thiếu người tham gia tố tụng. Tuy nhiên do vụ án đã bị hủy, việc hủy án lần hai sẽ kéo dài mất thêm nhiều thời gian, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà P1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H, phát biểu ý kiến đánh giá về thủ tục tố tụng cũng như nội dung của bản án sơ thẩm. Có quan điểm thể hiện: Tòa án nhân dân tỉnh H có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, xác định thiếu người tham gia tố tụng, không xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định, giải quyết vụ án chưa đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tại phiên tòa người bị kiện có kháng cáo là Ủy ban nhân dân huyện L1 vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229, khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Về đối tượng khởi kiện:

Quyết định hành chính số: 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch ban nhân dân huyện L1 về việc cưỡng chế giải phóng mặt bằng; Quyết định hành chính số 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính. Căn cứ khoản 2 điều 3, điều 30, 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 25/5/2007 Chủ tịch UBND huyện L1 ban hành Quyết định cưỡng chế số 432/QĐ-UBND. Ngày 07/6/2007 ông P, bà P1 đã có đơn khiếu nại gửi Chánh thanh tra tỉnh H; Ngày 05/6/2008 Ủy ban nhân dân huyện L1 ban hành Quyết định số 705/QĐ-UBND về việc trả lời khiếu nại của bà Đinh Thị Chân P1 và ngày 22/7/2008 ông P, bà P1 có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện L1 đề nghị hủy Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 là trong thời hiệu khởi kiện.

Ngày 16/6/2018 ông P và bà P1 có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L1. Tòa án cấp sơ thẩm đã lập luận và căn cứ vào các Điều 116, 138, 139 Luật tố tụng hành chính 2015, không chấp nhận đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/6/2018 của ông P bà P1 là không có cơ sở. Bởi lẽ: Quyết định 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc xã T5 để giao cho Công ty cổ phần đầu tư X xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí. Kèm theo Quyết định này là danh sách biểu chi tiết diện tích đất của các hộ bị thu hồi đất tại các xóm T6, N1, M, G thuộc xã T5, huyện L1 trong đó có hộ gia đình ông P bà P1 bị thu hồi các thửa số 80, 81, 82, 83, 84, 86, 87a, 49, 50, 51, 32 tờ bản đồ 24Đ, tổng diện tích thu hồi là 16.157m² (BL183,184). Do hộ gia đình ông P không nhận tiền bồi thường, không bàn giao đất bị thu hồi nên Ủy ban nhân dân huyện L1 ban hành Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông P.

Vì vậy, Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân là quyết định hành chính có liên quan trực tiếp và là căn cứ để ông Chủ tịch UBND huyện L1 ban hành quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông P và bà P1. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cần phải xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan theo quy định tại Điều 6 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3]. Trên cơ sở Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 17/10/2005 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã T5, huyện L1 và Quyết định số 2480/QĐ-UBND về việc thu hồi đất giao cho Công ty cổ phần X xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí. Ngày 25/5/2007, Chủ tịch UBND huyện L1 ban hành Quyết định số 432/QĐ-UBND cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông P. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã T5 là đơn vị tham gia việc thực hiện thông báo các Quyết định thu hồi đất, cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng và chứng kiến việc cưỡng chế. Để xem xét các Quyết định hành chính bị kiện khách quan, toàn diện cần đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H, Ủy ban nhân dân xã T5 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4]. Ngoài ra, trong bản án sơ thẩm có ghi nhận Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án không thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H biết tư cách tham gia tố tụng và yêu cầu họ thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 58 Luật tố tụng hành chính.

[1.5]. Đối với nội dung kháng cáo của người khởi kiện cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy: Việc Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử vắng mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư X là không vi phạm thủ tục tố tụng theo khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính, do các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, trước đó Tòa án nhân dân tỉnh H đã có Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HC.

[1.6]. Tại phiên tòa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 có kháng cáo, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ

điểm d khoản 1 Điều 229 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Theo yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 có đề nghị Tòa án giải quyết buộc UBND huyện L1 bồi thường tổng thiệt hại tài sản trên đất cho gia đình là 2.803.830.000đồng.

Trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 01/12/2006 Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư đã lập biên bản kiểm tra xác định đất và tài sản để bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí của hộ gia đình ông P và căn cứ vào Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 19/12/2005 của UBND tỉnh H về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn đã xác định đất và tài sản trên đất của gia đình ông P bị thu hồi tại xóm T6, xã T5 là 1.117.532.380đồng. Kèm theo đơn khởi kiện ông P, bà P1 đã kê khai và cung cấp ảnh cây cối, nhà cửa, hoa màu… của gia đình trước khi bị cưỡng chế và cho rằng Hội đồng đền bù xác định thiệt hại là không phù hợp, cây cảnh được thống kê bằng m^2, hệ thống tưới tiêu và công trình ngầm không được thống kê trong biên bản kiểm đếm và yêu cầu được bồi thường số tiền thiệt hại là 2.803.830.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch UBND huyện L1 về thực hiện biện pháp cưỡng chế giải phóng mặt bằng đối với hộ ông P, bà P1. Nhưng không xác minh làm rõ phần thiệt hại trên mà tách ra để giải quyết ở một vụ kiện khác là chưa giải quyết triệt để yêu cầu của người khởi kiện.

[2.2]. Về việc xác định vị trí, số thửa đất bị thu hồi và cưỡng chế giải phóng mặt bằng, Hội đồng xét xử thấy: Theo Quyết định 432/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Chủ tịch UBND huyện L1 có ghi thu hồi 10 thửa đất có số 81, 82, 51, 80, 50, 3, 49, 86, 87a tờ bản đồ 24Đ, các số thửa này không trùng khớp với số thửa đất mà hộ ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế đang quản lý tại xóm T6, xã T5, huyện L1, tỉnh H (nay là huyện T3, thành phố H1). Lý do có sự không trùng khớp trên theo UBND huyện L1 trình bày là do thửa đất có số thu hồi được ghi theo bản đồ địa chính của dự án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu nhập và đề nghị UBND huyện L1 làm rõ tương ứng số thửa, diện tích giữa 2 bản đồ theo quy định tại Điều 84 Luật tố tụng hành chính.

Xét thấy: tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 17/10/2005 của UBND tỉnh H ban hành về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu biệt thự nhà

vườn và thể thao giải trí tại xã T5, huyện L1, mục 2 Điều 1 ghi rõ về vị trí địa lý và giới hạn khu đất: *"Khu đất xây dựng có diện tích 45ha tại xã T5, huyện L1, tỉnh H – Phía Bắc giáp đường gom thuộc đường cao tốc L2 – H2 kéo dài theo quy hoạch; - Phía Nam giáp khu vực núi cao, xóm B, xã T5; - Phía Đông giáp khu dân cư xóm N1 – đồi G1, xã T5; - Phía Tây giáp khu đồi G, cầu B, xã T5"* (BL409, 410). Tại tờ trình số 601/TTr-STNMT ngày 02/12/2005 của UBND tỉnh H về việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần X, ghi rõ *"Danh sách các đối tượng thu hồi đất, loại đất, vị trí, địa điểm đất thu hồi theo danh sách và trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 kèm theo tờ trình số 601/TTr-STNMT ngày 02/12/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường"* (BL420). Tại Công văn số 487/STNMT-QLDĐ ngày 28/8/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H gửi UBND huyện L1 tại Điểm 2 đã xác định: *"Phạm vi thu hồi đất: UBND tỉnh quyết định thu hồi tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 05/12/2005. Phạm vi ranh giới đất thu hồi theo bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/500 trong hồ sơ quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 17/10/2005 và trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 kèm theo tờ trình số 601/TTr-STNMT ngày 02/12/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường" (thu hồi đất nằm ngoài phạm vi trên)* (BL424).

Trong Thông báo số 03/TB-UBND ngày 01/01/2006 của UBND huyện L1 về việc thu hồi đất và giải phóng mặt bằng để giao đất cho dự án xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã T5, ở mục 2 cũng ghi rõ: *"Phạm vi đất thu hồi đã được cắm mốc giới thuộc địa phận các xóm: G, B, xóm M và xóm N1"*. Ngoài ra trong hồ sơ có thêm 01 thông báo số 03 ngày 01/01/2006 ghi: *"Phạm vi thu hồi đất đã được cắm mốc giới thuộc địa phận các xóm: B, xóm N1, xóm T6"* (BL422, 158).

Như vậy, quá trình thực hiện việc thu hồi đất, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa tiến hành việc lập danh sách các đối tượng bị thu hồi đất, loại đất, vị trí, địa điểm đất thu hồi theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 05/12/2005 và xác định vị trí thu hồi gồm: Vị trí khu đất tại xóm N1, xóm M và xóm G xã T5, huyện L1. Tổng diện tích đất thu hồi là 452.631,5m². Tuy nhiên, tại tờ trình này lại chưa có danh sách các hộ có đất thu hồi kèm theo. Ngoài ra tại Bản đồ trích đo bản đồ địa chính khu đất (ban hành kèm theo Tờ trình số 601/TTr-STNMT ngày 02/12/2005 của Sở Tài nguyên Môi trường thì lại có một phần diện tích đất của xóm T6). Như vậy, có sự mâu thuẫn trong việc xác định mốc giới địa giới đất thu hồi giữa Tờ trình số 601/TTr-

STNMT ngày 02/12/2005 (không có xóm T6) với Bản đồ trích đo bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 (có một phần của xóm T6); giữa Quyết định 2480/QĐ-UBND ngày 05/12/2005 của UBND tỉnh H về việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần X, Điều 1 ghi rõ: "Danh sách các đối tượng thu hồi đất, loại đất, vị trí, địa điểm đất thu hồi theo danh sách…" với thực tế tại Tờ trình 601/TTr-STNMT ngày 02/12/2005 chỉ có bảng kê tổng thể đất do UBND xã quản lý: 59.148,3m² và đất do các hộ gia đình quản lý: 393.482,8m²; tổng cộng là 452.631,1m² sẽ thu hồi, không có danh sách cụ thể các hộ bị thu hồi đất, vị trí, địa điểm đất thu hồi. Trong Công văn 139a/UBND-TTr ngày 11/3/2010 (BL140) của UBND huyện L1 đã thừa nhận thửa 32 diện tích 1.524,0m² thuộc gia đình ông Nguyễn Chí P (trong đó: ông H3 thửa 127 diện tích 500m²; bà P1 thửa 32 diện tích 500m²; ông P thửa 119 diện tích 524m². Tổng cộng bằng 1.524,0m².

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án nhân dân tỉnh H đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, xác định thiếu người tham gia tố tụng, không xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định, giải quyết vụ án chưa đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Những vấn đề này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung như kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định thu hồi đất số 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1 và chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện. Tuy nhiên, yêu cầu khởi kiện trên chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên theo phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 220 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có quyền xem xét.

[3]. Về án phí:

Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư X không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Sung vào công quỹ Nhà nước

số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm người bị kiện Chủ tịch UBND huyện L1 đã nộp.

Từ những nhận định trên, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229; khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh H.

2. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư X, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh H và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

3.1. Hoàn trả lại ông Nguyễn Chí P và bà Đinh Thị Chân P1 số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006301 ngày 04/12/2019; hoàn trả Công ty cổ phần đầu tư X số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 00063 ngày 03/01/2020;

3.2. Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm Ủy ban nhân dân huyện L1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006306 ngày 31/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS H;
- Lưu: VT, HCTP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà